

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 878

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 27/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1662a/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 878;

Xét Tờ trình số 11/TTr-BQLDAGT ngày 15/01/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 878 do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình 625 lập năm 2026, được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 04/SXD-ĐTXD.TĐ ngày 21/01/2026;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1931/TTr-SXD ngày 10/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 878 với các nội dung chủ yếu sau:

- Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 878.
- Mã số thông tin công trình: Chủ đầu tư thực hiện theo quy định.

3. Địa điểm xây dựng; hướng tuyến công trình: Xã Long Hưng, Tân Hương, Tân Phước 3 và Hưng Thạnh, tỉnh Đồng Tháp; hướng tuyến bám sát theo hướng tuyến hiện hữu kết nối từ đường dẫn cao tốc đến ĐT. 865.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Đồng Tháp.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình 625.

7. Loại, nhóm dự án; loại cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Dự án nhóm B, công trình giao thông, cấp II.

8. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng dự án Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 878 nhằm kết nối Quốc lộ 1, đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận nối với đường vào Khu Công nghiệp Long Giang, kết nối với Đường tỉnh 865 đi tỉnh Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh; tạo nên sự thông suốt, đảm bảo an toàn giao thông, nâng cao hiệu quả khai thác giao thông vận tải, đồng bộ và phát huy tối đa hiệu quả của mạng lưới giao thông hiện hữu; tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển khu công nghiệp, các dự án mời gọi đầu tư cụm công nghiệp, góp phần tăng thu ngân sách, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Phạm vi dự án

- Điểm đầu: Giao với đường dẫn cao tốc, thuộc xã Long Hưng.

- Điểm cuối: Giao với Đường tỉnh 865, thuộc xã Hưng Thạnh.

- Tổng chiều dài tuyến: Khoảng 12,84km bao gồm 12,72km theo tuyến hiện hữu và 0,12km tuyến nối vào đường dẫn nút giao Thân Cửu Nghĩa, gồm các đoạn:

STT	Tên đoạn	Lý trình	Chiều dài (m)	Phạm vi
I	Tuyến chính			
1	Đoạn 1	Km0+000,00 - Km3+406,53	3.406,53	Từ điểm giao với ĐT.878 cũ (ĐPA) đến giao với đường dẫn vào nút giao Thân Cửu Nghĩa.
2	Đoạn 2	Km3+406,53 - Km6+997,75	3.591,22	Từ điểm giao với đường dẫn vào nút giao Thân Cửu Nghĩa đến giao Đường tỉnh 866B.
3	Đoạn 3	Km6+997,75 -	4.642,25	Từ giao Đường tỉnh 866B đến cầu Nguyễn Văn

STT	Tên đoạn	Lý trình	Chiều dài (m)	Phạm vi
		Km11+640,00		Tiếp.
4	Đoạn 4	Km11+640,00 – Km12+722,67	1.082,67	Từ cầu Nguyễn Văn Tiếp đến giao Đường tỉnh 865 (CPA).
	Tổng		12.722,27	
II	Tuyến nối			
5	Đoạn 1A (Tuyến nối)		120,00	Đường dẫn vào nút giao Thân Cứu Nghĩa

9.2. Quy mô đầu tư

- Phần tuyến: Đường cấp III đồng bằng; tải trọng thiết kế trục xe 12T; tốc độ thiết kế 80km/h (riêng đoạn 4: Tốc độ thiết kế đề nghị chiết giảm 40km/h ÷ 60km/h); Mặt đường cấp cao A2, mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc \geq 130MPa, riêng đoạn 1A (tuyến nối) thiết kế mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc \geq 140MPa; mặt cắt ngang đường các đoạn, cụ thể:

Các chỉ tiêu	Quy mô mặt cắt ngang			
	Đoạn 1	Đoạn 2 & Đoạn 3	Đoạn 4	Đoạn 1A
Số làn xe	4 làn	8 làn	4 làn	4 làn
Chiều rộng mặt đường	4x3,75m =15m	8x3,75m =30m	4x3,75m =15m	4x3,75m =15m
Dốc ngang mặt đường	2%	2%	2%	2%
Chiều rộng lề đất		2x7m=14m	2x0,5m=1,0m	2x0,5m=1,0m
Chiều rộng vỉa hè	2x4m=8m			
Chiều rộng DPC giữa	0,5m	4m	0,5m	0,5m
Chiều rộng dây an toàn	4x0,5m =2m	4x0,5m =2m	2x0,5m =1m	2x0,5m =1m
Chiều rộng nền đường	25,5m	50m	17,5m	17,5m

- Nút giao: Xây dựng 06 nút giao cùng mức tại Km0+000,00 (Giao với ĐT.878 cũ), Km0+978,93 (Giao với ĐH.39 cũ), Km3+406,53 (Giao với tuyến nối vào đường cao tốc TL-MT và đường Tháp Mười); Km6+997,27 (Giao với ĐT.866B), Km12+280,00 (Giao với ĐT.865 sau cầu Nguyễn Văn Tiếp) và Km12+722,67 (Giao với ĐT.865).

- Thoát nước: Bố trí hệ thống công dọc đoạn 1 các đoạn qua khu dân cư đông đúc. Nối công ngang hiện hữu cho phù hợp với qui mô mở rộng nền đường, tải trọng thiết kế HL93 hoặc tương đương.

- Bố trí chiếu sáng tại một số khu vực dân cư và nút giao.

- Hệ thống an toàn giao thông: Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

9.3. Giải pháp thiết kế

a) Phân tuyến:

- Hướng tuyến: Bám sát hướng tuyến hiện hữu. Tim tuyến đoạn 1, 1A và 4 theo tim tuyến hiện hữu. Tim tuyến đoạn 2 và 3 cách tim tuyến hiện hữu trung bình 7,5m về phía bên trái tim tuyến hiện hữu.

- Cao độ thiết kế đường đô đảm bảo bố trí lớp kết cấu tăng cường; Tại các giao lộ chính trục dọc đường đô được vượt nổi lên cao độ hiện trạng, gồm: Giao ĐPA = +2,32; giao CPA = +2,71. Ngoài ra trục dọc tuyến đi qua các đường ngang, đường dân sinh đều được vượt nổi phù hợp với hiện trạng.

- Mặt cắt ngang gồm các loại:

Các chỉ tiêu	Quy mô mặt cắt ngang			
	Đoạn 1	Đoạn 2 & Đoạn 3	Đoạn 4	Đoạn 1A
Chiều rộng mặt đường	4x3,75m =15m	8x3,75m =30m	4x3,75m =15m	4x3,75m =15m
Chiều rộng lề gia cố				
Chiều rộng lề đất		2x7m=14m	2x0,5m=1,0m	2x0,5m=1,0m
Chiều rộng vỉa hè	2x4m=8m			
Chiều rộng DPC giữa	0,5m	4m	0,5m	0,5m
Chiều rộng dây an toàn	4x0,5m =2m	4x0,5m =2m	2x0,5m =1m	2x0,5m =1m
Chiều rộng nền đường	25,5m	50m	17,5m	17,5m
Dốc mặt đường	2%	2%	2%	2%
Dốc vỉa hè, lề đường	2%	4%	4%	4%

- Nền đường: Được đắp bằng cát, đầm nén đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; riêng với lớp trên cùng dày 50cm đầm nén đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$. Mái taluy đắp bằng đất tận dụng, độ dốc 1:1,5, dày tối thiểu 1,0m;

- Xử lý nền đất yếu:

+ Đối với nền đường: Sử dụng lớp vải địa kỹ thuật để phân cách lớp cát đắp với thiên nhiên; riêng những đoạn đi qua ao hồ và có chiều cao đắp $H \geq$

2,5m trải thêm lớp vải địa kỹ thuật cường độ cao đối với đoạn 2 và 3, gia cố bằng cừ tràm $L = 4,5\text{m}/\text{cây}$, mật độ 16 cây/m² đối với đoạn 1 và 4.

+ Đối với nền đường chuyển tiếp vào các công: Bố trí đoạn chuyển tiếp dài 20m mỗi bên, 10m gần công bố trí cừ tràm dài 3m/cây mật độ 16cây/m², 10m còn lại bố trí cừ tràm dài 2m/cây mật độ 16cây/m². Gia cố cừ tràm theo chiều ngang trong phạm vi nền đường.

- Mặt đường tuyến chính:

+ Kết cấu tăng cường cho những đoạn mặt đường hiện hữu có $E_0 < 130\text{MPa}$: Láng nhựa 03 lớp tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m²; Đá 4x6 chèn đá dăm dày 14cm ÷ 16cm; Bù vênh mặt đường hiện hữu bằng đá 4x6 chèn đá dăm; Nền đường hiện hữu $E_0 = 106,10\text{Mpa} \div 125,40\text{Mpa}$.

+ Kết cấu bù vênh vượt dốc mặt đường hiện hữu có $E_0 \geq 130\text{MPa}$: Láng nhựa 03 lớp tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m²; Đá 4x6 chèn đá dăm dày trung bình 10cm.

+ Kết cấu mở rộng, $E_{yc} \geq 130\text{MPa}$: Láng nhựa 03 lớp tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m²; Đá 4x6 chèn đá dăm dày 14cm; Cấp phối đá dăm loại I (Dmax25) dày 18cm, $K \geq 0,98$; Cấp phối đá dăm loại II (Dmax37,5) dày 18cm, $K \geq 0,98$; Sử dụng vải địa kỹ thuật $R_k \geq 25\text{kN/m}$ ngăn cách lớp cấp phối đá dăm với nền cát, nền đắp cát được ngăn cách với nền thiên nhiên bằng lớp vải địa kỹ thuật $R_k \geq 12\text{kN/m}$.

- Mặt đường đoạn tuyến nối (Đoạn 1A):

+ Kết cấu bù vênh: Bù vênh vượt dốc mặt đường bằng bê tông nhựa chặt C12.5 dày trung bình 5cm; Nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²; Mặt đường hiện hữu.

+ Kết cấu mở rộng, $E_{yc} \geq 140\text{MPa}$: Bê tông nhựa chặt C12.5 dày 5cm; Nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²; Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm; Nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²; Cấp phối đá dăm loại I (Dmax25) dày 40cm, $K \geq 0,98$; Trải vải địa kỹ thuật loại không dệt $R_k \geq 25\text{kN/m}$ làm lớp ngăn cách.

b) Vía hè, dải phân cách, bó vỉa và bó lề

- Kết cấu vỉa hè (đoạn 1): Vỉa hè được lát gạch Terrazo có kích thước (40x40x3) cm đặt trên lớp bê tông lót 12Mpa dày 10cm.

- Bó vỉa: Bó vỉa bằng bê tông đá 1x2 cường độ 25MPa đặt trên lớp bê tông lót 12MPa dày 10cm.

- Bó lề bằng bê tông đá 1x2 cường độ 16MPa đặt trên lớp bê tông lót 12MPa dày 10cm.

- Dải phân cách: Dải phân cách bố trí tại tim đường đoạn 1 và đoạn 4, bằng bê tông cốt thép đá 1x2 25MPa, đúc sẵn với mỗi đốt dài 3m. Dải phân cách bố trí trên đoạn 2 và đoạn 3, có bề rộng 4m, ngăn cách với mặt đường bằng bó vỉa bê tông cường độ 25Mpa và đặt trên lớp bê tông lót 12Mpa dày 6cm, bên trong dải phân cách bố trí đất trồng cây.

c) Nút giao, đường giao

- Nút giao: Các nút giao trên tuyến được thiết kế giao đồng mức. Nút giao với ĐT.878 cũ (từ Km0+000,00 ÷ Km0+200,00) và nút giao với ĐT.866B tái lập bằng mặt đường bê tông xi măng, kết cấu từ trên xuống dưới như sau: Bê tông xi măng ($f'c \geq 36\text{MPa}$) dày 25cm; Bê tông nhựa chặt C19 dày 10cm; Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1kg/m²; Cấp phối đá dăm loại I ($D_{\max}25$) dày 15cm, $K \geq 0,98$; Trải vải địa kỹ thuật loại không dệt $R_k \geq 25\text{kN/m}$ làm lớp ngăn cách; Cày xới lu lèn 30cm trên cùng nền hiện hữu, lu lèn $K \geq 0,98$, $E_o \geq 42\text{MPa}$. Các nút giao còn lại được thiết kế như kết cấu mặt đường tuyến đường chính.

- Đường giao: Các đường giao dân sinh được thiết kế vượt nối vào đường hiện hữu đảm bảo êm thuận và an toàn giao thông. Kết cấu mặt đường giao tương ứng với kết cấu mặt đường hiện hữu.

d) Công trình thoát nước:

- Cống dọc: Bố trí cống dọc đường kính D600 ÷ D1000 cho 02 bên vỉa hè và chạy suốt chiều dài đoạn 1. Riêng đoạn thuộc phạm vi nút giao bố trí rãnh chữ U rộng 60cm. Bố trí cống dọc đường kính D600 ÷ D1200 trên lề đất tại các đoạn đông dân cư của Đoạn 2 và 3.

- Cống ngang: Nối 29 cống tròn BTCT 25MPa. Móng cống được gia cố bằng cừ tràm dài 4,5m, mật độ 25 cây/m².

e) Phần hệ thống chiếu sáng:

- Đoạn 1:

+ Tận dụng lại hàng trụ đèn chiếu sáng hiện hữu đang bố trí dọc theo bên phải tuyến di dời lên trên vỉa hè bên phải tuyến và bố trí với khoảng cách trung bình 35m/1 khoảng.

+ Dọc theo bên trái hướng tuyến (trên vỉa hè) được bố trí một hàng trụ đèn chiếu sáng, khoảng cách bố trí cột trung bình giữa hai trụ là 35m. Sử dụng trụ thép côn cao 9m dày 4,0mm được mạ nhúng kẽm nóng, cần đèn đơn cao 2,0m vươn 2,5m dày 3mm được mạ nhúng kẽm nóng, đèn LED công suất là 145W.

- Đoạn 2:

+ Tận dụng lại hàng trụ đèn chiếu sáng hiện hữu đang bố trí dọc theo bên trái tuyến di dời lên trên vỉa hè bên phải tuyến và bố trí với khoảng cách trung bình 35m/1 khoảng.

+ Dọc theo tim dải phân phân cách của tuyến đường được bố trí một hàng trụ đèn chiếu sáng, khoảng cách bố trí cột trung bình giữa hai trụ là 35m. Sử dụng trụ thép côn cao 9m dày 4,0mm được mạ nhúng kẽm nóng, cần đèn đôi cao 2,0m vươn 2,5m dày 3mm được mạ nhúng kẽm nóng, đèn LED công suất là 145W.

+ Dọc theo bên trái hướng tuyến (trên vỉa hè) được bố trí một hàng trụ đèn chiếu sáng, khoảng cách bố trí cột trung bình giữa hai trụ là 35m. Sử dụng trụ thép côn cao 9m dày 4,0mm được mạ nhúng kẽm nóng, cần đèn đơn cao 2,0m vươn 2,5m dày 3mm được mạ nhúng kẽm nóng, đèn LED công suất là 145W.

g) Hệ thống an toàn giao thông

- Lắp mới đèn THGT tại vị trí nút giao với đường nối vào cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận. Di dời đèn THGT tại nút giao với ĐT.866B.

- Bố trí hệ thống an toàn giao thông cọc tiêu, biển báo, hộ lan, vạch sơn đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

10. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

11.1. Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước.

11.2. danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Tiêu chuẩn khảo sát đường ô tô: TCCS 31: 2020;

- Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô đắp trên nền đất yếu: TCCS 41:2022;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41: 2024/BGTVT;

- Đường ô tô – Tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 4054:2005;

- Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế: TCCS 38:2022/TCĐBVN;

- Áo đường cứng – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế: TCCS 39:2022/TCĐBVN;

- Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 7957:2023;

- Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép: TCVN 5574:2018;

- Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu: TCVN 9436:2012;

- Công tác đất - Thi công và nghiệm thu: TCVN 4447:2012;

- Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu: TCVN 8859:2023;

- Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước - Thi công và nghiệm thu: TCVN 9504:2012;

- Mặt đường láng nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu: TCVN 8863:2025;

- Các quy định khác có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng 625.350.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng), trong đó:

- Chi phí GPMB	:	874.557.710 đồng.
- Chi phí xây dựng	:	550.901.112.675 đồng.
- Chi phí quản lý dự án	:	6.653.883.803 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	17.534.670.333 đồng.
- Chi phí khác	:	4.864.923.668 đồng.
- Chi phí dự phòng	:	44.520.851.811 đồng.

13. Tiến độ thực hiện dự án: 04 năm.

14. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:
 - + Năm thứ nhất: 50.000 triệu đồng.
 - + Năm thứ hai: 200.000 triệu đồng.
 - + Năm thứ ba: 200.000 triệu đồng.
 - + Năm thứ tư: 175.350 triệu đồng.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tổ chức quản lý dự án theo quy định.

16. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông chịu trách nhiệm thực hiện công tác giải phóng mặt bằng (*công trình có bồi thường về đất và di dời trụ điện,...*) theo đúng quy định pháp luật hiện hành và đảm bảo có mặt bằng thi công dự án.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư, tổ chức triển khai thi công hoàn thành dự án đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Việc đầu tư, thanh quyết toán kết thúc dự án, thực hiện đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng và đấu thầu hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành tỉnh: Xây dựng, Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PCT Nguyễn Thành Diệu;
- VPUBND: PCVP(Nam);
- Lưu: VT, P.ĐTQH(Hoàng).


KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Thành Diệu